TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
THỊ XÃ ĐIỆN BÀN	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH QUẢNG NAM	

Bản án số: 130 /2018/HNGĐ-ST
Ngày 26/4/ 2018
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN, TỈNH QUẢNG NAM

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tân
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Đắc Hưng
Ông Phan N Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quốc Việt – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Thương, Chức vụ : Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 26 tháng 4 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2018/TLST – HNGĐ, ngày 11/01/2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 21/3/2018 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 22/QĐST-HNGĐ, ngày 06/4/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị Thảo N – Sinh năm 1988 (có mặt).

Nơi cư trú: Khối TC, phường ĐN, thị xã ĐB, QN.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh B – Sinh năm 1984 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Khối BN, phường ĐNB, thị xã ĐB, QN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và tại phiên tòa chị Võ Thị Thảo N trình bày:

Chị N và anh Nguyễn Thanh B kết hôn với nhau vào ngày 14/01/2015. Đăng ký kết hôn tại UBND phường ĐNB, thị xã ĐB, tỉnh QN. Việc kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, B đẳng và được sự đồng ý của hai bên gia đình.

Sau khi cưới nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, anh B không chịu đi làm, thường xuyên say xỉn, bài bạc. Hai vợ chồng đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục kéo dài nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh B.

1. Về con chung: Không có.

2. Tài sản chung, nợ chung: Tự giải quyết.

Ngoài ra không có ý kiến và trình bày gì thêm.

+ *Bị đơn anh Nguyễn Thanh B trình bày tại bản tự khai*: Về thời gian đăng ký kết hôn và địa điểm đăng ký kết hôn anh hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của chị N. Anh B và chị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình.

Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc, không có mâu thuẫn. Chị N hiện đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống và làm ăn. Nay chị N yêu cầu ly hôn thì anh B không đồng ý, yêu cầu Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ chung sống.

1. Về con chung: Không có.

2. Tài sản chung, nợ chung: Tự giải quyết.

Ngoài ra anh B không có ý kiến và trình bày gì thêm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về tố tụng*:* Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mặc dù đã triệu tập đúng quy định nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị N được ly hôn với anh B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Võ Thị Thảo N tranh chấp về ly hôn đối với anh Nguyễn Thanh B có nơi cư trú tại thôn Khối phố BN, phường ĐNB, thị xã ĐB, QN. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã ĐB, tỉnh QN theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tung Dân sự.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mặc dù đã triệu tập đúng quy định nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Thảo N và anh Nguyễn Thanh B đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 14/01/2015 tại UBND xã ĐNB, huyện ĐB, tỉnh QN (nay là phường ĐNB, thị xã ĐB, tỉnh QN) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 04/2015. Hôn nhân giữa chị N và anh B là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, chị N cho rằng vợ chồng chỉ hạnh phúc thời gian đầu, thời gian sau thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, anh B không chịu đi làm, thường xuyên say xỉn. Hai vợ chồng đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau nữa. Mặc dù anh B không đồng ý ly hôn và anh B yêu cầu Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng Tòa án triệu tập để động viên hòa giải nhưng anh B không có mặt. Đồng thời anh B cũng không có mặt tại phiên tòa 2 lần mặc dù đã được triệu tập đúng theo quy định. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay anh B và chị N không còn sống chung với nhau nữa. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa anh B và chị N là đã trầm trọng, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được đồng thời hiện nay vợ chồng đã không còn sống chung. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị Thảo N, cho chị N được ly hôn anh Nguyễn Thanh B.

[3] Về con chung: không có; tài sản chung tự giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để buộc các đương sự phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Do đó, chị Võ Thị Thảo N phải chịu 300.000đ tiền án phí nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo Biên lai thu số 0008821 ngày 11/01/2018 của Chi cục THADS thị xã ĐB.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, 54, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn" giữa chị Võ Thị Thảo N đối với anh Nguyễn Thanh B.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Võ Thị Thảo N được ly hôn với anh Nguyễn Thanh B.

2.Về án phí: chị Võ Thị Thảo N chịu 300.000đ tiền án phí nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo Biên lai thu số 0008821 ngày 11/01/2018 của Chi cục THADS thị xã ĐB, chị N đã nộp xong án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Tân

Nơi nhận:
- Toà án Tỉnh Quảng Nam;
- Viện kiểm sát TX.ĐB;
- Các đương sự;
- UBND p.ĐNB TX. ĐB;
- Chi cục THADS ĐB;
- Lưu hồ sơ.